

SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ DI BIỆT TRONG PHÁT NGÔN “XIN LỖI” TIẾNG ANH MỸ-VIỆT

HUỲNH THỊ NHĨ^(*)

TÓM TẮT

Bài viết trình bày một số khái niệm về phát ngôn xin lỗi Anh Mỹ-Việt, cấu trúc của phát ngôn xin lỗi cũng như đáp lời xin lỗi. Bài viết cũng cung cấp một số điểm tương đồng và dị biệt trong phát ngôn xin lỗi. Trong quá trình nghiên cứu và quan sát, người viết nhận thấy rằng phát ngôn xin lỗi trong tiếng Anh Mỹ không nhất thiết là một sự thừa nhận lỗi lầm, người Anh/Mỹ sử dụng nó rất nhiều, như là một hành động phân xạ. Giúp học viên biết sự tương đồng cũng như dị biệt trong phát ngôn “xin lỗi” sẽ rất có ích cho việc giao tiếp tiếng Anh Mỹ.

1. GIỚI THIỆU

Ở Việt Nam, cùng với sự phát triển của nhiều lĩnh vực, phong trào học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh/Mỹ, ngày càng phát triển. Tuy nhiên, chương trình học ngoại ngữ thường tập trung vào việc huấn luyện học viên kỹ năng nghe nói đọc viết, chưa chú ý trang bị kiến thức về văn hóa Anh/Mỹ, về năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp. Như Cohen ghi nhận “việc dạy nhóm từ hay từ tách biệt với ngữ cảnh văn hóa xã hội sẽ dẫn đến việc sử dụng ngôn ngữ thành thạo nhưng không đạt được mục

đích giao tiếp” (Cohen, A.D. 1997, tr. 383). Như mọi hoạt động của con người, hoạt động ngôn ngữ của con người là một hoạt động có mục đích. Vì vậy, một phát ngôn được tạo lập ra bao giờ cũng nhằm một mục đích nào đó hay còn gọi là ý định giao tiếp. Và một trong những phát ngôn gặp nhiều nhất trong đời sống của con người là “xin lỗi”. “Xin lỗi” dường như đơn giản nhưng trên thực tế còn khá nhiều học viên Việt Nam chưa phân biệt được khi nào dùng “Excuse me”, và khi nào dùng “I’m sorry”. Odlin cho rằng “Phát ngôn xin lỗi có sự khác biệt trong những ngôn ngữ khác nhau và gây ít nhiều khó khăn cho người học ngôn ngữ hai” (Odlin, 1989, tr. 53).

2. KHÁI NIỆM

2.1. Một số định nghĩa

- Xin lỗi là “xin được tha thứ vì đã biết lỗi; công thức xã giao dùng để mở đầu lời nói khi có việc hỏi người lạ, làm phiền người khác” (Hoàng Phê, 2005, tr. 151).

- Xin lỗi “apologize” được sử dụng để bày tỏ sự hối tiếc về một việc làm sai trái (Oxford, 2008, tr. 57). “Excuse me” được sử dụng để thu hút sự chú ý của người khác một cách lịch sự, đặc biệt với người không quen biết (Oxford, 2008, tr. 508). “Sorry” (for/about sth) cảm thấy buồn và xấu hổ về một việc đã thực hiện (Oxford, 2008, tr. 1.407).

(*) Thạc sĩ. Đại học Đồng Tháp. Nghiên cứu sinh. Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ.

2.2. Khái niệm “xin lỗi” dựa theo lý thuyết hành động

2.2.1. Xin lỗi là một hành động ngôn ngữ biểu cảm (Expressive Speech Act)

Xin lỗi là một hành động ngôn ngữ mà Austin cho rằng có thể được thực hiện với sự thiết tha cầu khẩn trong một số hoàn cảnh (Austin, J.L., 1962). Searle (1981) xếp xin lỗi vào nhóm hành động ngôn ngữ tập trung chủ yếu vào cảm xúc người nói: sự diễn cảm với quan điểm là diễn tả một tình trạng tâm lý cụ thể, chân thành về một việc làm đã/sẽ gây phiền toái cho người khác với tinh thần phục thiện.

Trong thực tế đời thường, con người có thể xin lỗi trước khi sự việc xảy ra. Chẳng hạn, một người gọi điện đến xin chúc mừng ngày hôn lễ bạn trước và nói: “*I’m terribly sorry, dear. I can’t come to your wedding party next week. I have to go on business*” (Thành thật xin lỗi bạn. Tuần sau tôi không thể đến dự tiệc cưới của bạn được. Tôi bận đi công tác). Người Anh/Mỹ có khi thực hiện hành động xin lỗi nhưng thực sự không hối tiếc hay ân hận về một việc gì cả. Chẳng hạn, tặng cây thông Noel rất đẹp cho chủ nhà và biết là chủ nhà rất thích nhưng lại nói khéo: “*I’m sorry for having made your living-room narrower*” (Tôi rất tiếc đã làm cho phòng khách của bạn chật chội hơn).

2.2.2. Xin lỗi là hành động đe dọa thể diện âm tính (Negative Face Threatening Act)

Brown và Levinson (Brown, P. & Levinson, S.C., 1978) cho rằng xin lỗi là hành động đe dọa thể diện âm tính của người nói. Hơn nữa, Brown và Levinson cũng nói rằng lịch sự dương tính và âm tính không dung hòa với nhau. Một cậu bé buộc phải xin lỗi vì đã đánh người đó thâm tím

mắt, cậu ấy có thể nói: “*I’m sorry. But you deserve it!*” (Xin lỗi bạn. Nhưng bạn xứng đáng bị như vậy). Sự xin lỗi lạ lùng này hướng đến sĩ diện âm tính lẫn dương tính cùng một lúc. Tuy nhiên, nó có thể gây ra sự bối rối đáng kể cho người nghe trong một số tình huống nhất định.

3. CẤU TRÚC PHÁT NGÔN “XIN LỖI”

Phát ngôn xin lỗi trong tiếng Anh thường chứa đựng các bộ phận ngữ vi như: “*apologize*”, “*excuse*”, “*pardon*”, “*forgive*” và có thể kèm theo các ngữ danh từ sau giới từ “*for*” tạo thành cấu trúc như: “*Excuse me for ...*”; “*Pardon me for ...*”; “*Forgive me for ...*”; “*I must apologize for ...*”;...

Việc chọn lựa phát ngôn xin lỗi lệ thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành động phạm lỗi, tính tức thời của hành vi ứng xử biểu thị ý thức phục thiện của người nói, hơn là căn cứ vào quan hệ của những người tham thoại. Có thể nói rằng chính mục đích phát ngôn trong một tình huống cụ thể là cái quy định các dạng thức cú pháp của một phát ngôn nghi thức bày tỏ thái độ nhận biết những lỗi lầm xảy ra trong thực tế giao tiếp của người Anh/Mỹ (Thái Duy Bảo, 1988).

3.1. Cấu trúc gây sự chú ý (To get attention)

Khi bắt đầu thiết lập một quan hệ nào đó, hay vì cần giao tiếp, người Anh/Mỹ thường mở đầu bằng một trong những cấu trúc sau: *Excuse me!*; *Excuse me, please!*; *Excuse me, sir/ma’am!*; *Excuse me, but...!*; *Pardon me!*; *Pardon me, sir/ma’am!*; *Pardon me, but...!*; *Begging your pardon sir/ma’am!*; *Allow me sir/ma’am!*; *Allow me!* + cùng với mệnh đề phát ngôn.

Theo Thái Duy Bảo (Thái Duy Bảo, 1988), các cấu trúc trên có thể được sử dụng trong

những tình huống có sắc thái trung hòa và trang trọng. Ba cấu trúc cuối biểu hiện tính chất trang trọng của một lời xin lỗi khi người nói đồng thời trong thực tế giao tiếp thực hiện hành động nào đó, chẳng hạn lấy một vật dụng của mình từ tay người khác, tháo gỡ một vật gì của người đối thoại vướng mắc vào các nút áo của mình,... Chúng tôi xin trích dẫn một số ví dụ có thể dễ dàng tìm thấy trong những tài liệu học tiếng Anh/Mỹ, hay trong những sách giáo khoa dùng để dạy tiếng Anh/Mỹ bằng A, B, C như: *Headway - elementary*, OUP, của John & Liz Soars (1993); *Let's go*, OUP, của Karen Frazier, Barbara Hoskins, Ritsuko Nakata, Steve Wilkinson (2000); *English Know How-Opener*, OUP, của Sonya Kozicki-Jones (2003); *Lifelines*, OUP, của Tom Hutchinson (2001); *International Express*, OUP, của Liz Taylor and Alastair Lane (2007); *American English File*, OUP, của Clive Oxenden Christina Latham-Koeing (2008); ...

1) S1: *Excuse me, please.* (Xin lỗi ...)

S2: *Can I help you?* (Tôi có thể giúp ông không?)

2) S1: *We've got seats in the front* (Chúng tôi có chỗ ngồi ở trước ạ!).

S2: *Pardon me, ma'am. Your seats are at the back* (Xin lỗi, chỗ của quý bà ở cuối phòng ạ).

3) S1: *Allow me, that book is mine* (Xin lỗi anh, quyển sách của tôi ạ).

S2: *Really? I didn't know. So sorry!* (Thật sao? Tôi không biết. Xin lỗi).

Các phát ngôn xin lỗi của tiếng Việt ở các dạng thức trên thường có sắc thái trung hòa và trang trọng. Cơ sở phân biệt các sắc thái này là do yếu tố tuổi tác, địa vị xã hội,... Tuy nhiên, sắc thái biểu cảm thân thiện

trong phát ngôn xin lỗi trong bối cảnh này còn dựa vào sự xuất hiện các ngữ khí từ như “nhé”, “nha”,...

Xét trong sự tác động của nó, phát ngôn đáp trước lời xin lỗi thu hút sự chú ý trong tiếng Anh/Mỹ thường là: “*Yes?*” (có ngữ điệu lên) hoặc các phát ngôn tỏ bày sự sẵn lòng giúp đỡ người cùng đối thoại: “*What can I do for you?*” (Tôi có thể giúp bạn điều gì?), “*Can I help you?*” (Tôi có thể giúp bạn được không?), “*May I help you?*” (Tôi giúp bạn được chứ?)... Đối với người Anh/Mỹ, người ta không hỏi: “*What do you want?*” (Anh cần/muốn gì?). Họ cho rằng phát ngôn này mang tính chất hỏi cung, mệnh lệnh, không lịch sự.

3.2. Cấu trúc yêu cầu lặp lại khi nghe không được (not catching)

Phát ngôn yêu cầu lặp lại khi nghe không rõ trong cuộc thoại, thường có cấu trúc sau:

- Trường hợp trang trọng: “*I beg your pardon?*” Hoặc “*Pardon?*” Dạng thức đầy đủ của phát ngôn này là: “*I beg your pardon. I didn't quite catch what you said. Say it again, please!*” (Thành thật xin lỗi. Tôi hoàn toàn nghe không được bạn nói gì. Xin cảm phiền lặp lại giúp!).

- Trường hợp bình thường: “*Pardon me?*” Hay “*Sorry?*”.

- Trường hợp kém trang trọng, quan hệ thân mật, đặc biệt trong giới trẻ: “*What?*” (*Yes, what?*), “*Yes?*” Hoặc “*What did you say?*”.

Các phát ngôn trên được người Anh/Mỹ lên giọng ở cuối, và kèm theo là sự nhún mày hay cái nhón người lên phía trước,... Điều cần lưu ý là nếu ta sử dụng những phát ngôn này mà hạ thấp giọng ở cuối, sẽ mất đi tính lịch thiệp và phát ngôn “xin

lỗi” mang sắc thái cộc lốc, biểu thị một thái độ trịch thượng. Ngữ điệu chỉ có thể hạ thấp ở cuối khi được kèm theo một phát ngôn tường thuật biểu thị sự không nghe: “*Sorry, I didn't quite catch what you said.*”

Những mẫu đối thoại trên cho thấy sự ứng xử trong hai ngôn ngữ có dạng thức tương đồng: trong tiếng Anh/Mỹ: “*I beg your pardon? I didn't quite catch what you said*”; trong tiếng Việt: “*Xin lỗi (ông/bà). Tôi nghe không rõ ạ!*”. Tuy nhiên trong tiếng Việt, cách xưng hô tùy theo đối tượng giao tiếp. Chẳng hạn: “*Bác nói sao ạ? Cháu nghe không rõ!*”, “*Anh nói gì thế?*”, ...

3.3. Cấu trúc xin lỗi vì một hành động vụng về (For awkwardness)

Sự ý thức hành động vụng về khiến con người thực hiện hành động xin lỗi. Tuy nhiên, tùy theo mức độ nặng nhẹ của hành động phạm lỗi, người ta có thể chọn những cấu trúc khác nhau.

3.3.1. Mức độ phạm lỗi không nghiêm trọng

Trong những trường hợp trang trọng, người Anh/Mỹ thường sử dụng các mẫu xin lỗi với thái độ nghiêm túc, khấn trương sau.

- *Excuse me for* + gerund.

Ví dụ: *Excuse me for being late* (Xin lỗi anh vì tôi đến trễ).

- *Pardon me for* + gerund.

Ví dụ: *Pardon me for troubling you, sir* (Xin ông thứ lỗi vì đã làm phiền ông).

- *I beg your pardon for* + gerund.

Ví dụ: *I beg your pardon for not obeying you, ma'am. But I really can't* (Xin bà tha lỗi vì đã không tuân lời. Nhưng thực sự tôi không thể).

- *I must apologize to sb for* + gerund.

Ví dụ: *I must apologize to you for being late* (Tôi phải xin lỗi anh vì đã đến trễ).

- *I'm sorry that* + clause.

Ví dụ: *I'm sorry that I've kept you waiting* (Tôi tiếc là đã bắt anh chờ đợi).

Trong trường hợp bình thường, người Anh/Mỹ thường sử dụng các mẫu sau, với thái độ chân thành.

- *Sorry* (that) + clause.

Ví dụ: *Sorry I've kept you waiting* (Xin lỗi vì tôi đã để anh đợi).

- *Sorry* + to infinitive

Ví dụ: *Sorry to have kept you waiting so long* (Xin lỗi vì đã để anh chờ khá lâu).

- *Excuse* + noun/gerund.

Ví dụ: *Excuse my coming at such an hour* (Xin lỗi vì đến vào giờ như thế này!).

Khi thân mật, người Anh/Mỹ thường xuề xòa với những cấu trúc:

- *Oh, sorry.*

- *So sorry, ma'am. It's my fault* (Thưa bà, tiếc quá. Lỗi tại tôi ạ!).

Ngoài ra, trước một tình huống không rõ phần lỗi về ai, như: sự rơi tinh cờ của một lọ cắm hoa, hay việc ngẫu nhiên chạm vào tay người phụ nữ trên xe buýt,... người Anh/Mỹ thường sẵn sàng nhận lỗi về phía mình: “*My fault!*”; “*Oh, my mistake*” (Ôi, tôi sơ suất); “*I'm so sorry*” (Thành thật xin lỗi); “*Oh no, my fault entirely!*” (Ôi, lỗi tại tôi cả); “*Sorry! It's my fault!*” (Xin lỗi, tại tôi đây ạ).

Người Việt trong những tình huống như thế này cũng có những cách xin lỗi tương tự: “*Tôi lỡ, xin chị thông cảm!*”.

3.3.2. Mức độ phạm lỗi nghiêm trọng

Trường hợp phạm sai lầm nghiêm trọng người Anh/Mỹ sử dụng những cấu trúc.

- *I beg your pardon for* + gerund phrase.

Ví dụ: *I beg your pardon for being so rude* (Xin anh thứ lỗi cho hành vi thô lỗ của tôi).

- *I must apologize to you for* + gerund phrase.

Ví dụ: *I must apologize to you for interfering in your own business* (Tôi phải xin lỗi anh về sự can thiệp vào việc riêng của anh).

- *Forgive me for* + gerund phrase.

Ví dụ: *Forgive me for troubling you* (Tha lỗi cho tôi đã làm phiền anh).

Trong trường hợp trang trọng, người Anh/Mỹ sử dụng những mẫu xin lỗi trên. Tuy nhiên, phát ngôn xin lỗi sẽ mang tính khẩn thiết, chân thành hơn nếu được hỗ trợ bằng yếu tố ngữ điệu kèm theo thái độ thành khẩn khi thực hiện hành động tại lời xin lỗi. Chẳng hạn:

- Nhấn giọng trợ động từ trong phát ngôn: “*I am sorry that ...*”.

- Bỏ sung trợ động từ “do” vào phát ngôn: “*I do feel sorry for ...*”.

- Bỏ sung phó từ chỉ mức độ biểu cảm (so, awfully, terribly, quite, indeed, really, most, ...) vào phát ngôn: “*I am awfully sorry about that!*”.

Để hành động xin lỗi có sắc thái nhẹ nhàng tế nhị, người Anh/Mỹ thường sử dụng các phó từ như: simply, merely, just, but, nothing but,... (đơn thuần là, chỉ là, chỉ, duy chỉ, không gì ngoài,...). Chẳng hạn: “*So sorry. It was only a slip of the tongue!*” (Tiếc quá. Chỉ là một sự lỡ lời!).

3.3.3. Ngoài ra, người Anh/Mỹ cũng sử dụng một số cấu trúc khác để xin lỗi.

Khi kín đáo, dè dặt, người Anh/Mỹ sẽ sử dụng những mẫu sau.

- *I'm afraid (that)* + clause.

Ví dụ: *I'm afraid I've kept you waiting so long, sir* (Tôi e rằng đã để ông chờ quá lâu, thưa ông).

- *I fear that* + clause.

Ví dụ: *I fear that I've been giving you a lot of trouble* (Tôi sợ rằng đã gây khá nhiều phiền toái cho ông).

- *I hope (that)* + negative clause.

Ví dụ: *I hope that I haven't hurt your feelings* (Em hy vọng rằng em đã không xúc phạm cô).

Khi cảm thấy rất hối tiếc, ân hận, người Anh/Mỹ sẽ sử dụng những mẫu.

- *I (do) feel sorry for* + GP/NP.

Ví dụ: *I (do) feel sorry for my being so rude* (Anh cảm thấy rất tiếc về hành động thô lỗ của mình).

- *I (do) feel regret for* + GP/NP.

Ví dụ: *I (do) feel regret for those foolish things* (Em cảm thấy rất tiếc về những điều dại dột đó).

3.4. Phát ngôn đáp lời xin lỗi

3.4.1. Phát ngôn xin lỗi thường được đáp trả tùy theo thái độ của người tiếp nhận lời xin lỗi. Thông thường phát ngôn tha lỗi có những dạng thức sau.

Trường hợp trang trọng

- *It's quite all right!* (Không sao cả ạ!).

- *No apology needed!* (Không phải xin lỗi đâu ạ!).

- *Not an apology!* (Không phải xin lỗi đâu!).

- *It's nothing to speak of!* (Có gì đáng nói đâu!).

Trường hợp bình thường

- *Oh, that's all right!* (Không sao đâu!).

- That's right! (Không sao đâu!).
- It's no trouble! (Chẳng có gì phiền cả!).
- It's OK! (Yên tâm đi!).

Trường hợp thân mật

- Not at all! (Không sao cả mà!).
- No need to (apologize) be sorry! (Không cần xin lỗi đâu!).
- Oh, you shouldn't... (Ồ, anh không nên thế!).
- Forget it! (Quên việc ấy đi!).
- No trouble at all! (Có phiền gì đâu!).
- No trouble whatsoever! (Không có gì là phiền cả!).
- Not the slightest trouble! (Không phiền tí nào cả!).
- Oh, certainly not! (Ồ, cố nhiên là không rồi!).
- Not in the least! (Không, có gì đâu!).
- I beg your pardon! (Tôi xin lỗi anh mới phải!).

Những phát ngôn tha lỗi trên có dạng thức khác nhau về tổ chức cú pháp, song hiệu quả tại lời của chúng là những phát ngôn bày tỏ sự tha thứ. Ta cũng có thể tìm thấy sự tha thứ qua lời trấn an, động viên, chia xẻ trước một thái độ hối lỗi, phục thiện như: “*Better late than never*” (Trễ còn hơn không anh ạ!) cho phát ngôn xin lỗi “*I beg your pardon for being late*”. Người Việt cũng có những cách ứng xử tương tự: “*Ai mà chẳng có lỗi làm!*”; “*Nhân vô thập toàn!*”; “*Sông có khúc người có lúc!*”; “*Phàm nhân cả mà!*”; “*Có phải là thánh đâu!*”; “*Khôn ba năm đại một giờ, việc đã lỡ rút kinh nghiệm thôi!*”; ...

3.4.2. Tuy nhiên không phải lúc nào người xin lỗi cũng được tha thứ. Trong trường hợp đó, các phát ngôn đáp lời xin lỗi có thể là:

- That's unforgivable! (Không thể tha thứ được!).
- That's inexcusable! (Không thể tha thứ được!).
- How could you! (Sao anh có thể làm thế!).
- How dare you! (Anh to gan thật đấy!).
- Being (Saying) sorry doesn't alter things! (Có nói xin lỗi cũng chẳng thay đổi được gì đâu!).

Sự căm giận, bực bội, cố chấp của người được xin lỗi còn thể hiện bằng các phát ngôn đáp lại lời xin lỗi có dạng thức của một câu hỏi ngắn.

Ví dụ:

S1: *I'm sorry* (Tôi rất tiếc!).

S2: *Oh, you are, are you?* (Anh mà cũng biết tiếc nữa à?).

Hoặc:

S1: *I must apologize* (Tôi xin lỗi anh).

S2: *Oh, you do, do you?* (Anh mà cũng biết xin lỗi nữa sao?).

Sự giận dữ, cố chấp có thể được tìm thấy qua ngữ điệu, chất giọng và đặc biệt là sự lên giọng ở phát ngôn đáp ở câu hỏi ngắn trong tiếng Anh/Mỹ, tương thích với tiếng Việt là các ngữ khí từ: “*nữa sao/nữa à*”.

Các phát ngôn đáp lại hành động xin lỗi, bày tỏ thái độ cố chấp, thiếu thiện chí thường gây nên một hiệu lực làm ảnh hưởng không tốt cho quá trình giao tiếp và cả trong mối quan hệ trong cuộc sống đời thường. Nhưng, không phải tất cả mọi người trong xã hội đều sắt đá trước những hành động xin lỗi thành khẩn với thái độ phục thiện hồi cải của người gây phiền toái.

PHÁT NGÔN “XIN LỖI” TIẾNG ANH MỸ-VIỆT

4.1. Sự tương đồng trong phát ngôn “xin lỗi” tiếng Anh Mỹ-Việt

4.1.1. Cấu trúc: phát ngôn “xin lỗi” Anh Mỹ-Việt đều bao gồm:

- Lời xin lỗi: *Excuse me, Sorry, Pardon; Xin lỗi.*

- Lời xin lỗi + sự xưng hô: *Sorry, Sir/Ma'am; Xin lỗi ông/bà.*

- Xin lỗi + câu hỏi phụ: *Excuse me! Would you please show me the way to Dong Thap University?; Xin lỗi. Xin chị vui lòng chỉ giúp đường đến Trường Đại học Đồng Tháp?*

- Lời xin lỗi + sự xưng hô + câu hỏi phụ: *Sorry, Sir. May I help you?*

- Lời xin lỗi + mệnh đề: *Sorry, I'm late.*

4.1.2. Cách xưng hô: trong xin lỗi, người Anh/Mỹ cũng như người Việt hầu hết dựa vào bối cảnh, tình trạng, giới tính, mối quan hệ giữa hai người mà xưng gọi nhau.

4.1.3. Thời điểm/tình huống: người Anh/Mỹ cũng như người Việt thường dùng phát ngôn “xin lỗi” để bắt đầu câu chuyện, hỏi thăm đường, làm quen hoặc khi phạm sai lầm, gây ra sự phiền toái cho người khác. Cả hai dân tộc đều thực hiện hành động xin lỗi ngay sau khi phạm lỗi, trước hoặc sau một thời gian tùy theo tình huống và đối tượng.

4.1.4. Thái độ: hành động ngôn ngữ xin lỗi của người Anh/Mỹ và Việt đều tồn tại hai thái độ.

- Thành khẩn, tha thiết: cả người Anh/Mỹ lẫn người Việt đều bộc lộ sự ăn năn trong hành động xin lỗi qua ánh mắt, cử chỉ, ngôn từ, chất giọng và hoạt động đặc trưng.

- Thiếu thành khẩn: trong trường hợp người sai phạm không cảm thấy có lỗi hoặc buộc phải xin lỗi.

4.1.5. Đáp lời xin lỗi

- Chấp nhận: *It's ok; It's nothing to be sorry about...; Không sao; không cần phải xin lỗi đâu,...*

- Không chấp nhận: *That's unforgivable; Oh, you are, are you?; Không thể tha thứ được; Bạn mà cũng biết xin lỗi nữa à? ...*

- Không trả lời

4.2. Sự dị biệt trong phát ngôn “xin lỗi” tiếng Anh-Mỹ-Việt

4.2.1. Cấu trúc

- Người Việt thường không dùng động từ ngữ vi xin lỗi. Chẳng hạn như: “*Tôi vô ý quá!*” thay cho lời xin lỗi.

- Người Việt thường dùng danh từ nhân xưng và tân ngữ khi xin lỗi.

4.2.2. Cách xưng hô: người Việt xưng hô theo kiểu gia tộc, nghề nghiệp, chức vụ trong khi người Anh/Mỹ ít sử dụng như thế.

4.2.3. Cách sử dụng từ

- Người Việt dùng động từ ngữ vi: *xin lỗi, tha thứ, thông cảm* hầu như cho mọi tình huống.

- Người Anh: “*excuse me*” (hỏi đường), “*pardon*” (khi nghe không rõ, yêu cầu lặp lại), “*sorry*” (khi vi phạm qui ước xã hội như đi học trễ chẳng hạn), “*forgive me for*” (cho những lỗi nghiêm trọng),...

4.2.4. Mức độ thường xuyên

- Người Anh/Mỹ dùng phát ngôn xin lỗi thường xuyên hơn người Việt.

- Người Việt lớn tuổi/cương vị xã hội cao hơn hiếm khi thực hiện hành động xin lỗi

đôi với người nhỏ tuổi/địa vị xã hội thấp hơn. Ở nông thôn, người Việt ít xin lỗi khi bắt đầu câu chuyện hay hỏi đường.

4.2.5. Cách thức xin lỗi

Người Việt, khi người phạm lỗi (nhỏ tuổi) thực hiện hành động xin lỗi người lớn tuổi hơn thường hay khoanh tay, chấp tay, cúi đầu,... rất cung kính, lễ phép trong khi người Anh/Mỹ tùy theo tình huống và không có trường hợp nào khoanh tay trước ngực.

4.2.6. Tình huống xin lỗi

Người Anh/Mỹ sử dụng phát ngôn “xin lỗi” như là một hành động phản xạ, không nhất thiết phải là một sự thừa nhận lỗi lầm. Chúng tôi xin nêu một số trường hợp sau (<http://www.stgiles.couk/General-culture-information.pdt>).

- Người Anh/Mỹ thường rất lịch sự đối với bồi bàn trong nhà hàng. Nếu khách muốn bồi bàn đến bàn ăn của mình, thường họ giơ tay lên chứ không búng ngón tay vào nhau (snap fingers). Và khi bồi bàn đến gần, khách hàng thu hút sự chú ý của họ bằng câu “Excuse me” (xin lỗi).

- “Excuse me” còn được người Anh/Mỹ sử dụng để nói với người ngồi cạnh bên trên xe buýt khi họ muốn đi xuống xe trước.

- Khi họ va vào nhau, cả hai đều nói “Sorry” (xin lỗi). Không có trường hợp một người xin lỗi và người khác trả lời “That’s ok!”

- Họ nói lời “Sorry” nếu cánh tay của họ tình cờ gạt tay người khác khi đi ngang qua cửa đông người. Họ cũng nói lời “Sorry” khi thật sự không chạm vào nhau. Người kia cũng nói “Sorry”.

- Khi họ không nghe được người kia nói gì, họ cũng nói “Sorry?”

- “Sorry” đứng trước những câu hỏi đôi lúc gây phiền hà cho người khác/nhờ người khác giúp, như: “Sorry, do you know if this train stops at Liverpool?” (Xin lỗi, có phải tàu này dừng ở trạm Liverpool không ông?); “Sorry, do you have the time?” (Xin lỗi, mấy giờ rồi?); “Sorry, is this seat free?” (Xin lỗi, ghế này còn trống chứ ạ?).

- Họ nói “Sorry but...” (Xin lỗi nhưng...) trước khi họ than phiền về điều gì. Ví dụ: “Sorry, but I didn’t have a towel in my hotel room” (Xin lỗi, nhưng không có khăn tắm trong phòng của tôi); “Sorry, but I bought this shirt and it’s got a rip in it” (Xin lỗi, tôi đã mua chiếc áo bị rách một chỗ).

- Đôi lúc họ nói “Sorry” thay vì “Excuse me” khi họ muốn thu hút sự chú ý của người khác hoặc khi họ muốn người khác di chuyển đi.

5. KẾT LUẬN

Trong giao tế hằng ngày của người Anh/Mỹ, các phát ngôn “xin lỗi” có tần số xuất hiện tương đối nhiều trong những cuộc tiếp xúc có tính chất nghi thức, xã giao. Các hình thức xin lỗi, bày tỏ sự hối tiếc, ân hận được biểu hiện dưới nhiều hình thức phong phú và đa dạng trong tiếng Anh/Mỹ. Đặc điểm khu biệt hiệu quả hành động xin lỗi này lệ thuộc phần lớn vào cấu trúc phát ngôn và tính thành khẩn của chủ thể. Tùy theo thái độ của người tiếp nhận lời xin lỗi mà các dạng thức của các phát ngôn đáp trả có sự khu biệt về nội dung ngữ nghĩa và sắc thái tu từ. Thông thường chúng mang những cấu trúc như người viết trình bày ở phần nội dung. Có thể nói rằng người Anh/Mỹ thực hiện hành động xin lỗi như một phép lịch sự giao tiếp trong nhờ vả, hỏi

thăm, từ chối hoặc khi thực sự có lỗi. Cấu trúc thường được qui định sẵn, rõ ràng và họ nói như một quán tính. Trong khi đó, người Việt Nam ít thể hiện sự áy náy, sự nhận biết lỗi của mình qua hành động xin lỗi vì dường như cho rằng nó ảnh hưởng đến thể diện. Hơn nữa, người Việt ít dùng động từ ngữ vì “xin lỗi” mà thay vào đó là những lời nói, hành động, cử chỉ thể hiện sự xin lỗi mà người được xin lỗi có thể cảm nhận được. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Austin, J.L. 1962. *How to do things with words*. Oxford: OUP.
2. Brown, P. & Levinson, S.C. 1978. *Politeness - Some Universals in Language usage*. Cambridge: CUP, Rep. 1987.
3. Cohen, A. D. 1997. *Speech acts*. In: S. Lee McKay, & N.H. Hornberger (Eds.). *Sociolinguistics and language teaching*. New York: CUP
4. Hoàng Phê (Chủ biên). 2005. *Từ điển tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học.
5. Odlin 1989. *Language transfer: Cross-linguistic influence in language learning*. New York: CUP.
6. Oxford Advanced Learner's Dictionary. 2008. 7th edition. Oxford: OUP.
7. Phạm Thị Kim Uyên. 2004. *Making apologies in American English and Vietnamese*. MA. Dissertation. HCMC.
8. Searle J. R. 1981. *Speech Acts*. Cambridge: CUP.
9. Thái Duy Bảo. 1988. *Đối chiếu nghi thức lời nói đối thoại Anh-Việt*. Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Ngữ văn. Đại học Tổng hợp Hà Nội.
10. <http://www.bookrags.com/wiki/apologize>.
11. <http://www.merriam-webster.com/dictionary/excuse>.
12. <http://www.stgiles.couk/General-culture-information.pdt>.

(Tiếp theo trang 79)

2. Lời kể của thiếu tướng Phùng Đình Âm, nguyên Phó đoàn Đoàn B90 xoi đường từ Nam Tây Nguyên vào Nam Bộ.
3. Lời kể của ông Nguyễn Trọng Tâm, nguyên Chính ủy C200 xoi đường từ Nam Bộ ra Nam Tây Nguyên.
4. Lời kể của ông Lâm Quốc Đăng, nguyên cán bộ được Xứ ủy Nam Bộ cử đi xây dựng các căn

cứ địa chiến lược miền Đông Nam Bộ từ năm 1956-1960, phụ trách C300 xoi đường từ Nam Bộ ra Tây Nguyên.

5. Sổ tay công tác của ông Võ Thanh Hùng, nguyên Phó phòng Quân lực B2 (Miền).
6. Tổng cục Hậu cần. 1986. *Tổng kết công tác hậu cần chiến trường Nam Bộ - cục Nam Trung Bộ (B2) trong kháng chiến chống Mỹ*. TPHCM: Ban Tổng kết chiến tranh (B2).